

Nông nghiệp nông dân nông thôn trong đại dịch và vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng

TS. Đặng Kim Sơn

Viện Nghiên cứu Thị trường và Thể chế nông nghiệp

1. Nhiệm vụ đặt ra trong khủng hoảng

Sau 35 năm đổi mới kinh tế đã 4 lần kinh tế Việt Nam trải qua các đợt khủng hoảng kinh tế do tác động từ bên ngoài: phe xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Liên Xô, khủng hoảng kinh tế Đông Nam Á, khủng hoảng tài chính thế giới hay đại dịch COVID-19 hiện nay. Mỗi khi kinh tế trải qua các đợt suy thoái, nhiều giải pháp can thiệp được áp dụng nhằm khắc phục hậu quả và khôi phục đà tăng trưởng kinh tế càng nhanh càng tốt. Vấn đề được bàn nhiều là lấy tiền ở đâu? Trợ cấp cho ai? Cách hỗ trợ như thế nào? Các chính sách tài khóa và tiền tệ thường huy động ưu tiên trợ giúp những đối tượng “nhạy cảm với chính trị, tác động rõ đến kinh tế vĩ mô” như các ngân hàng, các doanh nghiệp lớn, khu công nghiệp lớn, cư dân thành phố chính... từ đó, nhiều khoản vốn chuyển vào phần “kinh tế ảo” (chứng khoán, bất động sản, cổ phiếu...) hay những lĩnh vực khó quản lý hiệu quả (xây dựng cơ bản bằng đầu tư công, huy động doanh nghiệp nhà nước...) lại dẫn đến nợ xấu cho ngân hàng, nợ công cho Chính phủ và nhiều hệ lụy kéo dài. Những mảng kinh tế thật, nhất là nông nghiệp và người chịu thiệt hại nặng nề đông đảo là nông dân, kinh tế hộ... thường không nhận được sự hỗ trợ đáng kể nào.

Với tình trạng đó, kinh tế Việt Nam sau 2 lần biến động gần đây năm 1997 (khủng hoảng kinh tế Đông Nam Á) và năm 2007 (Khủng hoảng tài chính thế giới), đã trải qua thời gian phục hồi dài hơn và tốc độ sau khi hồi phục cũng thấp hơn trước. Sau cuộc khủng hoảng năm 2008, Đại hội Đảng toàn quốc XI năm 2011 đã đặt ra nhiệm vụ “*Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế*” để đưa kinh tế trong 5 năm của nhiệm kỳ quay trở lại mức tăng trung bình trên 7%/năm 19 năm trước, tuy nhiên Đại hội XIII năm 2021 vẫn đánh giá chúng ta: “*chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng*”. Nhiệm vụ sửa chữa mô hình tăng trưởng kéo dài 10 năm chưa hoàn thành, lại gói đầu lên khủng hoảng mới của đại dịch COVID-19 và mức tụt xuống của lần này đã sâu hơn các lần trước, tình hình kinh tế thế giới cũng xấu hơn. Rõ ràng hiện nay và tương lai, cần đổi mới cung cách khắc phục hậu quả khủng hoảng một cách hiệu quả hơn.

Kinh nghiệm từ lần khủng hoảng nặng nề nhất ở Việt Nam cuối thập kỷ 1980, cho thấy không phải nhờ trợ cấp Nhà nước mà chính sách Khoán 10 đã mở đường

thoát cho nông dân và nhờ đó phát triển sản xuất nông nghiệp đưa cả nước khỏi nỗi lo đói ăn, tạo đà đột phá mở ra kỷ nguyên đổi mới cả nền kinh tế. Nhìn lại xa hơn, các chính sách khoán sức cho dân và phát động tinh thần yêu nước cũng là giải pháp thần kỳ giúp tăng sản lượng lương thực gấp đôi và xây dựng mới nền tài chính sau có 1 năm, cứu Việt Nam năm 1945 từ nạn đói khủng khiếp vươn lên xây dựng nền kinh tế Dân chủ Cộng hòa; miền Bắc bị tàn phá sau chiến tranh năm 1954, chính sách chia đất cho nông dân, mở đường cho doanh nhân kinh doanh sau 3 năm đã giúp kinh tế phục hồi vượt mức cao nhất thời Pháp 1939. Vấn đề chính là huy động được nội lực của đất nước, kết hợp phục hồi kinh tế kinh tế sau khủng hoảng trước mắt phải gắn với xây dựng mô hình tăng trưởng lâu dài.

Phải chăng nên đặt vấn đề theo một cách khác: trợ cấp của Chính phủ chỉ nên dùng như chất xúc tác, cho các đột phá quan trọng còn giải pháp chính phải là quyết tâm tháo gỡ các vướng mắc kéo dài trong thể chế kinh tế để huy động các nguồn lực còn tồn đọng trong dân, thiết lập cân bằng kinh tế mới ổn định và hiệu quả hơn để có thể khôi phục kinh tế nhanh và vững chắc trên quy mô tổng thể đồng thời hình thành nền tảng tăng trưởng cao và ổn định lâu dài. Về thực chất đó chính là đổi mới mô hình tăng trưởng.

2. Những điểm hay và dở lặp lại

Điều mừng là trong Đại dịch lần này, một lần nữa nông nghiệp, nông thôn lại chứng minh nguyên tắc ngàn đời là “phi nông bất ổn”, nó trở thành tấm phao cứu sinh hiệu quả, hấp thụ các tác động bất lợi, che đờ cho mảng đô thị, công nghiệp của đất nước. Như các lần khủng hoảng trước, một số lớn người lao động thất nghiệp đã quay trở về nông thôn sinh sống, giảm tải cho đô thị, góp phần quan trọng cho ổn định xã hội; sản xuất nông nghiệp duy trì cung cấp hàng hóa tiêu dùng thiết yếu, đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm cho từng gia đình và giúp chính phủ ổn định giá sinh hoạt, góp phần chống lạm phát; Việt Nam tiếp tục duy trì và đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, củng cố cán cân thương mại, góp phần cân bằng kinh tế vĩ mô. Đương nhiên, vì nông dân quá đông, nông nghiệp quá rộng, chính phủ không thể trợ cấp trực tiếp như các thành phần khác nhưng cái họ cần lại là những đổi mới căn bản về thể chế kinh tế, để chính họ tự làm ra của cải vật chất cứu mình và giúp cả đất nước, giống như các lần trước.

Điều không vui thứ nhất là đại dịch này một lần nữa lộ ra những vấn nạn đã thể hiện và cả yếu kém cũ nhưng chưa bộc lộ trước đây. Với 1,3 triệu người trong thời gian ngắn rời khỏi thành phố Hồ Chí Minh và các khu công nghiệp Đông Nam Bộ trở về quê, hé lộ một điểm cũ khác xưa nay vẫn được chấp nhận. Đó là tình trạng sống và

làm việc phi chính thức của hơn 31 triệu người lao động, tình trạng thiếu ổn định và hạn chế cơ hội tương lai của gần 5 triệu người lao động di cư. Trong các đợt khủng hoảng trước, chủ yếu là lao động di cư từ các doanh nghiệp, nhà máy tạm thời không có việc làm trở về nông thôn, nhưng lần này, khi các hộ kinh doanh sản xuất nhỏ phải ngừng hoạt động và mọi hình thức tự kiếm sống của người lao động cũng bị gián đoạn thì mọi đối tượng lao động phi chính thức (xe ôm, cửu vạn, thợ xây dựng, giúp việc nhà,...) đều phải quay về quê hương, bộc lộ sự dễ bị tổn thương và mức độ sinh kế tạm bợ của đông đảo người dân lao động.

Vấn đề thứ hai là tăng trưởng kinh tế Việt Nam tập trung vào đầu tàu chính của 2 thành phố lớn và trung tâm kinh tế đi kèm. Một số tỉnh đồng bằng sông Hồng bao quanh Hà Nội và vùng Đông Nam Bộ quanh thành phố Hồ Chí Minh chiếm tổng diện tích 13,5% và 40,8% dân số cả nước, năm 2018 hưởng 54,4% đầu tư Nhà nước và đóng góp 77% tổng ngân sách, đồng thời tạo ra 61,37% GDP. Nhờ đó, cơ sở hạ tầng hậu cần lớn được xây dựng với sân bay quốc tế chính và các đầu mối giao thông quan trọng, hệ thống kho tàng, bến bãi chính và năng lực khoa học công nghệ mạnh đã hút về đây lực lượng lao động và trí thức tay nghề cao. Năm 2018, khu vực này hút đến 58,59% vốn đầu tư toàn xã hội và 73,5% đầu tư FDI. Xưa nay, tại đây vẫn nổi cộm các vấn đề về quá tải giao thông, nhà ở, dịch vụ giáo dục, y tế, cấp thoát nước, xử lý môi trường... kinh tế công nghiệp và dịch vụ phát triển nhanh nhưng tốc độ đô thị hóa không theo kịp. Dịch bệnh lần này bộc lộ sự thua thiệt của lực lượng lao động công nghiệp đông đảo về điều kiện ăn ở sinh hoạt, chăm sóc y tế; sự yếu kém trong nắm bắt thông tin quản lý lao động và cư dân tại các khu vực quan trọng này.

Vấn đề thứ ba thể hiện ra là lợi thế về nông nghiệp, vai trò quan trọng của nông thôn trong mô hình tăng trưởng hiện nay chưa được đề cao đúng mức trong chiến lược phát triển kinh tế. Bất chấp khó khăn dịch bệnh, nông dân vẫn bám sát ruộng đồng tiến hành sản xuất. Tuy nhiên, chuỗi cung ứng sản xuất nông sản vẫn bị đứt gãy trong nhiều trường hợp. Do công nghiệp cung ứng vật tư đầu vào phụ thuộc vào bên ngoài nên phân, thuốc, thức ăn gia súc... lên giá, dịch vụ hậu cần tiêu thụ nông sản bị gián đoạn và cũng tăng giá làm tiêu thụ khó khăn. Tình hình này thể hiện rằng công nghiệp và dịch vụ chưa đầu tư đúng mức hỗ trợ cho nông nghiệp, phụ thuộc vào bên ngoài cả với các nguyên vật liệu thiết yếu. Trong khi xuất khẩu một số hàng hóa ra thị trường được giải quyết bằng thương mại điện tử và các hiệp định tự do hóa mới thì thị trường Trung Quốc và ngay cả một số thị trường trong nước bị gián đoạn vì các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Thêm vào đó, tình hình thiên tai và dịch bệnh cho động vật gây khó khăn kếp cho nông nghiệp nhất là dịch tả lợn châu Phi, dịch cúm gia

cầm... chứng tỏ cơ chế bảo vệ, chính sách bảo hiểm cho nông nghiệp rất mỏng manh, chưa được chú ý đúng mức.

3. Những vấn đề mới đang xuất hiện

Thoát ra khỏi khủng hoảng lần này, toàn thế giới sắp xếp lại chuỗi sản xuất để tránh bị đứt gãy khi xảy ra bất ổn tương tự. Các nông sản chiến lược như lương thực có xu hướng tăng cường tự túc, các khâu mấu chốt trong sản xuất được đẩy mạnh bảo vệ. Yêu cầu kiểm dịch, kiểm soát của các thị trường tăng thêm, khả năng cạnh tranh thay đổi. Nông nghiệp Việt Nam muốn chiến thắng phải nhanh chóng điều chỉnh lại để nắm kịp cơ hội dành lại thị trường. Phải thành lập các vùng chuyên canh cho các sản phẩm chiến lược với cơ sở hạ tầng, tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng nhu cầu mới, đi kèm số hóa và truy cập nguồn gốc. Các chuỗi logistic phải kết nối trực tiếp, bỏ qua trung gian đến điểm cuối cùng. Vận tải đường sắt xuyên lục địa, đường thủy container phải nhanh chóng thay thế đường bộ, chiến lược công nghiệp phải lấp đầy các khoảng trống cung ứng vật tư then chốt đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

Hàng loạt lao động rời khỏi các trung tâm công nghiệp trở về nông thôn cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam phải điều chỉnh quy hoạch không gian bố trí sản xuất. Những ngành thu hút nhiều lao động (dệt may, da giày, chế biến nông sản...) phải rời khỏi các khu công nghiệp tập trung ven đô thị lớn chuyển về các đô thị nhỏ, khu công nghiệp gắn với các địa phương ở vùng đông dân. Các ngành công nghiệp phụ trợ (dệt, sợi, nhuộm, phụ kiện...) cũng phải điều chỉnh theo. Các vùng công nghiệp lớn phải tách rời sự phụ thuộc 2 thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh về cung ứng chuyên gia và lao động tay nghề cao cũng như phục vụ hậu cần tiếp thị. Do đó, việc quy hoạch và phát triển các thành phố vệ tinh, phát triển đô thị ở các tỉnh công nghiệp phải đẩy mạnh, chấm dứt hiện tượng vùng công nghiệp Đông Nam Bộ mạnh nhất nước tỷ lệ công nghiệp và dịch vụ tới hơn 90% GRDP nhưng đô thị hóa chỉ 46% năm 2019. Mục tiêu không phải là giữ lao động lại nông thôn mà là đưa ngành nghề phi nông nghiệp ra khỏi đô thị.

Trong dịch bệnh, nhiều hộ gia đình rút lao động làm ăn xa về, sẽ phải tính toán lại cơ cấu sinh kế. Đây là lúc các ngành nông nghiệp có giá trị gia tăng cao nhưng thu hút nhiều lao động có điều kiện để phát triển thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp hiện nay. Ngành trồng cây ăn quả, trồng rau màu, ngành nuôi trồng thủy sản thâm canh, ngành chế biến nông sản, và nhiều ngành kinh tế nông thôn khác, nhất là các ngành dịch vụ và công nghiệp thu hút nhiều lao động di chuyển về địa bàn nông thôn có thể tạo ra sinh kế ổn định cho lao động nông thôn “ly nông bất li hương”. Ngược lại, ở đô thị, lúc này cũng là cơ hội để tái cơ cấu lại các ngành dịch vụ “phi chính

thức” giúp tăng hiệu quả kinh tế, giảm ô nhiễm môi trường, giảm sức ép dân số, hiện đại hóa đô thị. Giao thông công cộng phải phát triển thay thế xe ôm, taxi; siêu thị, chuỗi bán lẻ hiện đại, giết mổ vệ sinh phải thay thế chợ cóc, chợ xanh; các công ty xây dựng, môi trường... cần thay thế các nhóm thợ xây, gánh đồng nát...; các công ty vệ sinh, chăm sóc y tế, dịch vụ việc nhà cần thay thế cho đội ngũ ô sin, trông người ốm... Mục tiêu không phải là tách lao động nông thôn khỏi đô thị mà là chính thức hóa lao động phi chính thức (có nghiệp đoàn, có bảo hiểm, có hợp đồng...) và chuyên môn hóa lao động (có đào tạo nghề, đăng ký làm việc, được vay vốn...)

Dịch bệnh lần này là tiếng chuông cảnh báo về một thế giới đầy bất định tương lai, sẽ thường xuyên xuất hiện các cú sốc môi trường, khí hậu, dịch bệnh, kinh tế, an ninh, quốc phòng... các yếu tố rủi ro sẽ diễn ra liên kết, tác động với nhau. Phải tính đến mọi vấn đề từ quy hoạch đô thị, xây dựng khu công nghiệp, tổ chức vùng dân cư, kết nối các chuỗi cung ứng sản xuất đến phân phối hàng hóa. Một mặt phải đổi mới tính liên kết kinh tế xã hội liên tục, có khả năng thay thế, hỗ trợ trong mọi tình huống. Mặt khác có khả năng tháo rời, cô lập các khâu, các mắt xích để bảo vệ, chỉnh sửa, ngăn chặn lây lan một cách chủ động. Công tác theo dõi thông tin, giám sát đánh giá tình hình phải đi kèm năng lực ứng phó xử lý theo mọi kịch bản có tính toán căn cứ khoa học. Các biện pháp quản lý rủi ro phải được thiết lập cho mọi đối tượng (bảo hiểm, tiêm chủng, dự trữ...). Phải chủ động nghiên cứu, chuẩn bị giải pháp cho các biến động chắc chắn tương lai như biến đổi khí hậu (thiên tai, biển dâng, ngập mặn...); biến đổi xã hội (già hóa, thiếu nữ giới, nông dân thu hẹp, thị dân tăng...); biến đổi thế giới (chuỗi sản xuất, khoa học công nghệ, thương mại, di cư...); biến đổi văn hóa (tôn giáo lạ, ngoại ngữ phổ cập, thông tin mạng...).

Vấn đề chính còn tồn tại là tốc độ tăng trưởng tiếp tục giảm. Sau cả 3 kỳ kế hoạch từ 2001 đều không đạt mục tiêu, giai đoạn 2016-2020 Việt Nam lại tăng trưởng 5,8%/năm thấp xa so với mục tiêu 7%/năm. Đại hội XIII đề ra tốc độ tăng GDP bình quân 5 năm tới 6,5 - 7%/năm nhưng bối cảnh kinh tế toàn thế giới suy giảm vì dịch COVID-19 thì không đổi mới mô hình kinh tế, không thể đạt tăng trưởng mong muốn. Trong tương lai, nếu vẫn giữ mức 6%/năm, cả 2 mục tiêu của Đại hội XIII đề ra sẽ không đạt; tăng 7%/năm, Việt Nam lên mức thu nhập trung bình cao sớm hơn năm 2030 nhưng 2045 vẫn chưa đạt mức thu nhập cao; nếu tăng 8%/năm, sẽ về sớm hơn cả 2 mục tiêu của Đại hội Đảng XIII 3-4 năm. Trong hoàn cảnh bị chậm lại vì dịch bệnh, hình thành mô hình kinh tế mới là nhiệm vụ dài hạn, và đột phá từ nhiệm kỳ 5 năm này.

Vẫn có thể nhắc lại đánh giá của Nghị quyết 05 tại Hội nghị Trung ương 4

năm 2016 chuyên đề về đổi mới mô hình tăng trưởng: “mô hình tăng trưởng về cơ bản vẫn theo mô hình cũ, chậm được đổi mới”. Trong 5 nhóm nhiệm vụ chính Nghị quyết số 24/2016/QH14 của Quốc hội đề ra tháng 11 năm 2016: (1) cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng; (2) cơ cấu lại ngân sách nhà nước và khu vực công; (3) phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút hợp lý đầu tư trực tiếp nước ngoài; (4) hiện đại hóa công tác quy hoạch, cơ cấu ngành và vùng kinh tế; (5) hình thành đồng bộ, phát triển các loại thị trường nguồn lực tài chính, đất, lao động, khoa học công nghệ thì 2 nhiệm vụ đầu có nhiều tiến bộ, 3 nhóm cuối chưa hoàn thành như mong đợi.

4. Cản trở của mô hình cũ

Sản xuất và kinh doanh nhỏ: doanh nghiệp là chủ công của nền kinh tế công nghiệp hóa nhưng giai đoạn 2016-2018, doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ chiếm 93,5% tổng số, yếu về vốn, công nghệ, nhân lực. Hết năm 2018, 7,7% doanh nghiệp trong nước làm ăn hòa vốn, 48,6% lỗ, chỉ đóng góp được 10% GDP nhưng tạo ra tới 35% việc làm. Kinh tế hộ là mảng chính, góp hơn 30% GDP, tạo 40 - 45% việc làm thì lại càng nhỏ lẻ, manh mún, yếu ớt. Vấn đề là, doanh nghiệp trong nước, trước kia bị doanh nghiệp nhà nước ép thì nay đang bị doanh nghiệp nước ngoài lấn. Kinh tế hộ quá chậm gắn kết trong các hợp tác xã nên khó khởi nghiệp trở thành doanh nghiệp.

Tài nguyên huy động hết: rừng tự nhiên, nguồn hải sản, khoáng sản, nước ngầm... cạn dần. Trong mô hình phân tích tăng trưởng, đất không thể hiện rõ vai trò đóng góp (nhưng theo Tổng cục Thống kê, thị trường bất động sản đóng góp 4,51%, Hiệp hội Bất động sản cho là tới 7,62% GDP 2019). Lao động đóng góp còn 6,4%, tài nguyên con người dưới góc độ trí thức chưa được phát huy, năng suất lao động và chất lượng lao động ở mức thấp trên thế giới. Năng suất yếu tố tổng hợp (TFP) góp hơn 40% trong GDP nhưng phần KHCN thực sự chỉ gần 1/3 trong đó. Chỉ còn tiền vốn là nguồn lực chính, đóng góp 55% cho tăng trưởng. Tuy nhiên, tỷ lệ tiết kiệm của Việt Nam 2018 ở mức 22,6%, dưới trung bình khu vực và thế giới. Chỉ số ICOR cải thiện (6,14 giai đoạn 2016-2019), nhưng vẫn cao so với các nước đang phát triển (khoảng 3,0 - Ngân hàng thế giới) và các nước trong vùng, cùng giai đoạn.

Quỹ thời gian bị lãng phí: phát triển kinh tế tư nhân chậm, đúng vào lúc mở cửa hội nhập, Việt Nam phải chịu sức ép cam kết quốc tế cao, không có điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp non trẻ. Tích lũy chậm, kết cấu dân số chuyển sang già khi chưa giàu tạo nguy cơ đổ vỡ quỹ phúc lợi xã hội và dự trữ bảo hiểm các gia đình. Toàn dụng lao động chậm, đào tạo nhân lực kém, lao động không kịp chuyển thành nhân lực trí tuệ khi cách mạng công nghệ 4.0 có thể đẩy 40 - 70% lao động thủ công khỏi công

xưởng. Phát triển chuỗi giá trị chậm trong quá trình toàn cầu hóa sâu rộng đã đặt các địa phương công nghiệp hóa cao ở Việt Nam vào bẫy “công nghiệp gia công”, làm nhiều, chịu nhiều tác động xã hội, môi trường mà thu chẳng bao nhiêu và không lâu bền, mô hình “nông nghiệp gia công” đã hiện hữu trong một số lĩnh vực như chăn nuôi, khi các tập đoàn đa quốc gia tiến vào.

Mô hình kinh tế thời gian qua huy động các nguồn tài nguyên để tăng trưởng, đã đạt tới giới hạn hiệu quả khai thác và tăng trưởng chậm lại. Tuy nhiên, Việt Nam lại chưa chuẩn bị đủ về tài nguyên con người và tích lũy đủ tư bản để phát triển một nền kinh tế đổi mới sáng tạo. Hàn Quốc đề xuất chiến lược “kinh tế sáng tạo” năm 2013, khi đã là nền kinh tế thứ 4 Châu Á và thứ 15 thế giới, là quốc gia “thu nhập cao” hơn 10 năm. Singapore đặt mục tiêu “Quốc gia thông minh” với khẩu hiệu “chiến thắng tương lai thông qua khoa học công nghệ” khi đã dẫn đầu Đông Nam Á về khoa học công nghệ (KHCV) và đứng đầu thế giới về thu nhập. Trung Quốc khi tuyên bố tăng trưởng “đổi mới nội sinh” bằng KHCV giai đoạn 2006 - 2020 đã vượt Pháp, Anh thành nền kinh tế lớn thứ 4 thế giới. Việt Nam đang đứng thứ 135/214 nước trên thế giới năm 2019 về GNP/người chưa thể đi tắt đón đầu bằng nguồn lực KHCV mà phải đổi mới mô hình tăng trưởng trước hết dựa vào sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có.

5. Nội dung của mô hình tăng trưởng mới

Thứ nhất, tháo gỡ nút các điểm nghẽn trong phân bổ, sử dụng nguồn lực nhờ tạo các điều kiện cơ bản cho cơ chế thị trường vận hành thông thoáng trong quá trình giao dịch nguồn lực như: đảm bảo tính chính danh về quyền sở hữu/sử dụng (đất, lao động, trí tuệ...), chứng nhận pháp lý giấy/số (giá trị, tài sản, tiêu chuẩn...), thị trường chính thức (sàn giao dịch, giá cạnh tranh, giao dịch giản tiện...)... phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông và thông tin đảm bảo tính bao trùm (liên kết mọi vùng miền, cho mọi đối tượng hưởng lợi). Chủ động định hướng và hỗ trợ chuyển đổi nguồn lực: chuyển từ lao động phi chính thức sang chính thức, lao động thủ công sang lao động có kỹ năng và lao động trí óc. Chuyển từ giá trị sử dụng của đất đai sang giá trị vốn hóa trong đầu tư, chuyển đổi linh động giữa các loại hình sử dụng đất nông nghiệp. Thị trường hóa tài nguyên nước...

Thứ hai, cần thay đổi mô hình phát triển với 2 vùng trọng điểm kinh tế là Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ dựa vào 2 thành phố chính là Hà Nội và Hồ Chí Minh để thu hút phần lớn đầu tư xã hội, đóng góp chính cho ngân sách và tăng trưởng kinh tế đồng thời chịu sức ép quá tải do di cư và mật độ phát triển, thiếu gắn kết, lan tỏa, cân bằng với các địa bàn và vùng nông thôn. Mô hình thay thế là phát triển cơ sở

hạ tầng, dịch vụ, giảm tải cho 2 thành phố chính bằng phát triển đô thị vệ tinh, hình thành cụm đô thị lân cận, đưa cư dân và hoạt động kinh tế ra khỏi trung tâm lõi. Đẩy 2 đô thị lớn tập trung vào các chức năng quan trọng nhất, phân cấp vai trò đầu tàu sản xuất, dịch vụ, nhất là trung tâm công nghệ, nhân lực và hậu cần cho 6-7 thành phố trung tâm các vùng kinh tế xã hội chính. Giảm phát triển nông thôn với đô thị hóa.

Thứ ba, thay đổi mô hình cơ cấu kinh tế ngành dập khuôn, đơn điệu ở các tỉnh, các vùng hiện nay đang cạnh tranh ngang, đều ưu tiên phát triển công nghiệp, nhất là chế biến chế tạo, phát triển du lịch và các ngành dịch vụ phục vụ đời sống, xây dựng kết cấu hạ tầng tương tự nhau, sang tạo động lực chủ động, sáng tạo. Phát huy lợi thế của từng địa bàn, hình thành các vùng kinh tế có sức cạnh tranh riêng, dựa trên điều kiện đa dạng. Ví dụ MNPB tập trung phát triển rừng, thủy điện, làm dịch vụ công bảo vệ biên giới môi trường; ĐBSH và DHBTB ưu tiên phát triển dịch vụ đa dạng; ĐBSCL, TN hướng vào nông nghiệp tổng hợp; TDPB và ĐNB phát triển công nghiệp có giá trị cao; DHNTB phát triển kinh tế biển tổng hợp. Tại mỗi vùng lấy ngành lợi thế nhất làm trục, các ngành khác phối hợp, liên kết cả vùng cùng phát triển.

Thứ tư, phải đẩy nhanh sắp xếp, đổi mới hoạt động doanh nghiệp nhà nước và thiếu quyết liệt trong lựa chọn, thanh lọc doanh nghiệp FDI kém hiệu quả. Chuyển sang xây dựng nội lực kinh tế đất nước cơ bản và lâu dài trong đội hình phối hợp và tiếp nối. Cần có chính sách để doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài đóng vai trò mở đường, kết nối và vực dậy doanh nghiệp trong nước chiếm lĩnh thị trường cả trong rồi ngoài nước. Cần có lộ trình thoát ra khỏi bẫy “sản xuất gia công”. Đã đến lúc đột phá đưa kinh tế hộ (nhất là nông dân) vào đội hình kinh tế hợp tác, để chiếm lĩnh nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tạo điều kiện để kinh tế hợp tác mở đường, dẫn dắt kinh tế hộ phát triển thành kinh tế doanh nghiệp và tách ra lực lượng lao động phi nông nghiệp. Hình thành các hệ sinh thái: tập đoàn kinh tế mạnh dẫn dắt doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ; cơ quan khoa học công nghệ - doanh nghiệp; hợp tác xã – doanh nghiệp...

Thứ năm, chủ động ứng phó với thế giới thường xuyên bất ổn và biến đổi nhanh tương lai: củng cố xây dựng các cơ quan tham mưu, nghiên cứu chiến lược, xây dựng cơ quan chuyên trách, chính sách có kỹ năng cao, sử dụng đội ngũ cán bộ nghiên cứu có năng lực, ứng dụng công nghệ tiên tiến, xây dựng hệ thống thu thập thông tin, giám sát tình hình, phân tích số liệu, đủ sức dự báo đánh giá kịp thời tình hình, chuẩn bị trước các kịch bản xuất hiện, tính toán sẵn các giải pháp ứng phó, cân nhắc sẵn các can thiệp cần thiết một cách hiệu quả về kinh tế và kỹ thuật. Chuẩn bị sẵn lực lượng, tồn trữ vật tư, chuẩn bị phương tiện để đối phó với mọi biến động có thể xảy ra về an

ninh truyền thống, phi truyền thống, tuyệt đối không để đất nước bị bất ngờ. Có phương án để khôi phục tình hình, ổn định đời sống và nhanh chóng rút kinh nghiệm hành động.

6. Tạo nền tảng, cơ hội thực hiện khát vọng phát triển

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa việc đổi mới mô hình tăng trưởng chỉ có thể diễn ra dưới quyết tâm chính trị cao của một “nhà nước kiến tạo phát triển”: lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm đầu, học tập từ các nước tiên tiến, đưa ra mục tiêu phát triển và các cơ chế động viên, định hướng nguồn lực. Trước mắt, lấy mục tiêu phát triển kinh tế đưa đất nước lên thu nhập cao làm trọng tâm. Có chính sách lựa chọn người có đạo đức, năng lực theo kết quả công việc làm cán bộ, có cơ chế loại bỏ, đề bạt, lương thưởng đảm bảo sự liêm chính, tinh thần trách nhiệm và sáng tạo của cán bộ. Hình thành cơ chế tham vấn chính thức và thường xuyên ở cấp chính phủ, bộ ngành và địa phương giữa đại diện các thành phần kinh tế chính và cơ quan nhà nước trong hoạch định chiến lược, chính sách. Hình thành cơ chế giám sát, đánh giá khách quan, minh bạch trong phân bổ, sử dụng tài nguyên, thi hành và kết quả thực hiện kế hoạch.

Tập trung phát triển tài nguyên con người. Đổi mới các tổ chức xã hội của lao động thành hệ thống bảo vệ, nâng cấp, phục vụ quyền lợi của người lao động, thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy lợi thế con người của đất nước, đảm bảo người lao động, nhân dân là chủ thể của quá trình phát triển. Đổi mới mô hình đào tạo, hướng vào đào tạo nghề, phát triển kinh tế dịch vụ, nhanh chóng toàn dụng lực lượng lao động với năng suất cao và thu nhập thỏa đáng để trước khi của số vàng kết cấu tuổi dân số đóng lại. Chuyển nhanh lao động phi chính thức thành chính thức. Mở rộng cơ hội phát triển để mọi người dân thuộc mọi giai tầng, dân tộc có cơ hội tích lũy kiến thức, tài sản làm chủ quá trình chuyển đổi sinh kế, cư trú từ đánh bắt, khai thác rừng, hải sản, khoáng sản sang nuôi trồng, chế biến, kinh doanh; từ sản xuất nông nghiệp sang phi nông nghiệp, từ nông thôn sang đô thị.

Mục tiêu “thoát bẫy thu nhập trung bình” là rất khó khăn. Năm 2019, Ngân hàng Thế giới chia hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ theo 4 mức thu nhập: 29 nước nhóm nghèo, 83 nước thu nhập cao, ở giữa là 106 nước thu nhập trung bình. Ngày nay mọi đất nước, không phân biệt chế độ chính trị, văn hóa dân tộc đều cùng thi đua trở thành giàu mạnh. Cuộc đua công nghiệp hóa cho các nước nghèo bắt đầu sau năm 1945 nhưng sau 75 năm, mới xuất hiện được vài nền kinh tế công nghiệp mới như Israel, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Hồng Kông... Các nền kinh tế Châu Á đã vượt khỏi bẫy thu nhập trung bình phải nâng tốc độ tăng trưởng GDP lên 8,2 -

10,5%/năm trong 5 - 9 năm liên tục. Cuộc đua của Việt Nam rất khó khăn vì tốc độ tăng trưởng thấp hơn hẳn. Đỉnh cao đổi mới kinh tế cũng chỉ có 19 năm tăng trưởng trên 7%/năm (1989-2007), rồi sau khi lên mức thu nhập trung bình thấp năm 2010 đã tăng chậm lại dần. Rõ ràng, mô hình tăng trưởng cũ kéo dài đến hiện nay không cho phép kinh tế Việt Nam bút phá cần thiết để vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

Mục tiêu “tránh nguy cơ bị tụt hậu” còn khó hơn nhiều. Đầu thế kỷ 19, trước khi Pháp xâm lược, kinh tế Việt Nam lớn thứ nhì Đông Nam Á (sau Indonesia), đến thập kỷ 1950 - 1960 thì ngang ngửa nhiều nước trong vùng về GDP/người, kể cả Hàn Quốc và Trung Quốc. Sau đó, chiến tranh, kinh tế kế hoạch và dân số tăng nhanh sau đổi mới đã giữ GDP/người của Việt Nam ngày càng tụt hậu. Tính toán mô phỏng cho thấy, với mức tăng trưởng GDP/người bình quân từ 7% trở lên thì Việt Nam có thể đuổi kịp các nước trung bình ở Đông Nam Á như Thái Lan hay Malaysia. Còn muốn bắt kịp Trung Quốc thì Việt Nam phải tăng trưởng ở mức 10,48% và muốn sánh ngang với Hàn Quốc thì phải đạt tốc độ 11,08% trong 30 năm tới. Những điều thần kỳ gần như thế đã từng được các nước công nghiệp hóa thành công thực hiện. Hàn Quốc đã tăng tốc kinh tế 9,3%/năm liên tục 38 năm (1960 - 1997); Trung Quốc đã tăng trưởng 9,8%/năm suốt 37 năm (1978 - 2014), trong đó có 15 năm liên tục đạt mức trên 10%/năm. Israel đã tăng trưởng trên 10%/năm trong 22 năm liên tiếp (1950 - 1972). Khát vọng phải biến thành quyết tâm đổi mới mô hình kinh tế.